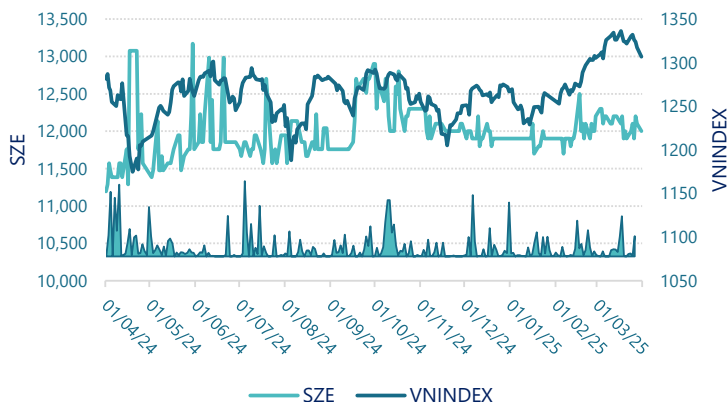




CTCP Môi trường Sonadezi (UPCOM: SZE)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	12,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,170
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,195
SL cổ phiếu LH	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,930
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	360
P/E	11.5
EPS	1,039

DT thuần

Q1/25

97.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.30 | 3.6%

YoY: ▼ 3.90 | -3.8%

LN sau thuế

Q1/25

7.43

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 2.87 | -27.8%

YoY: ▲ 0.60 | 8.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

10.6%

+/- YoY: ▲ 1.1%

DT thuần

2024

396

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 30.0 | -6.9%

LN sau thuế

2024

30.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.20 | 4.1%

ROE

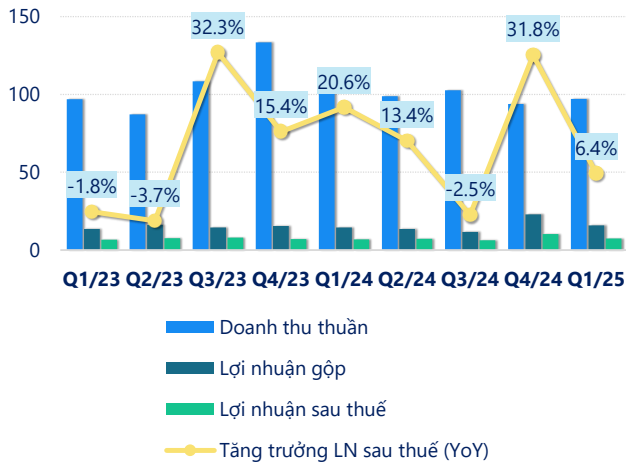
2024

8.5%

+/- YoY: ▲ 0.3%

tỷ VNĐ

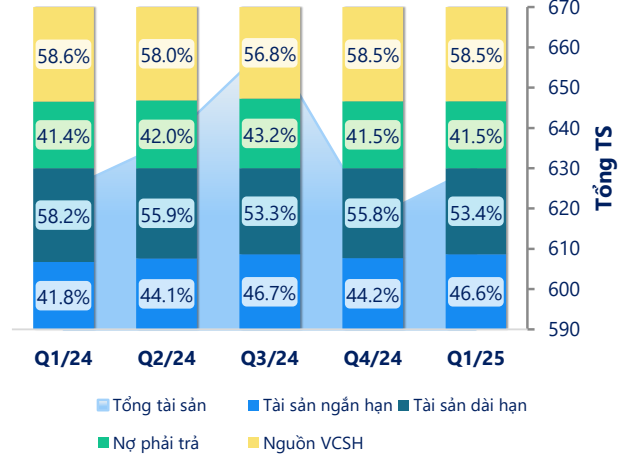
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

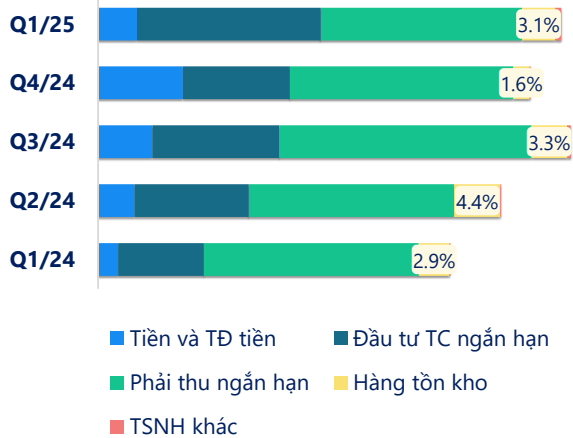
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



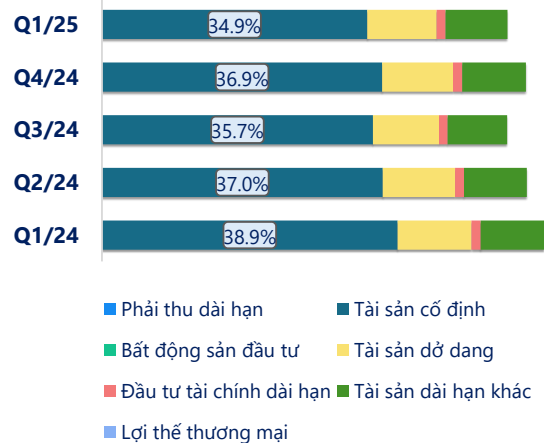
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

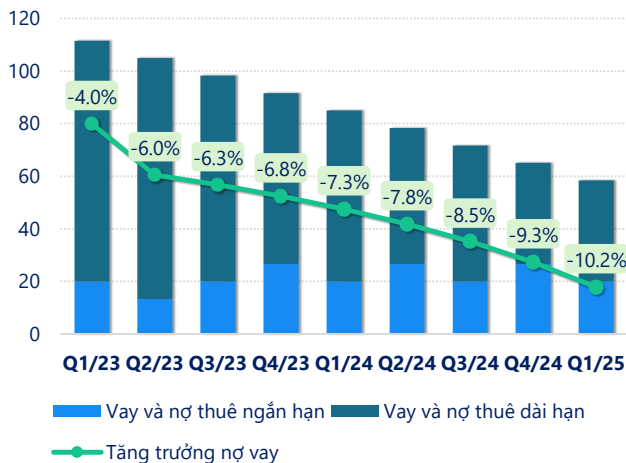
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

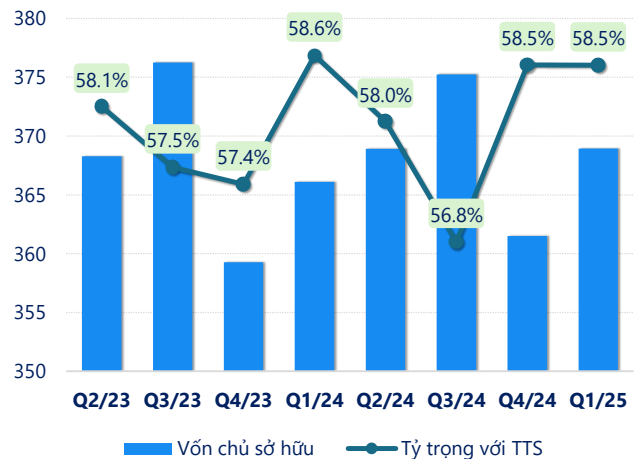
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

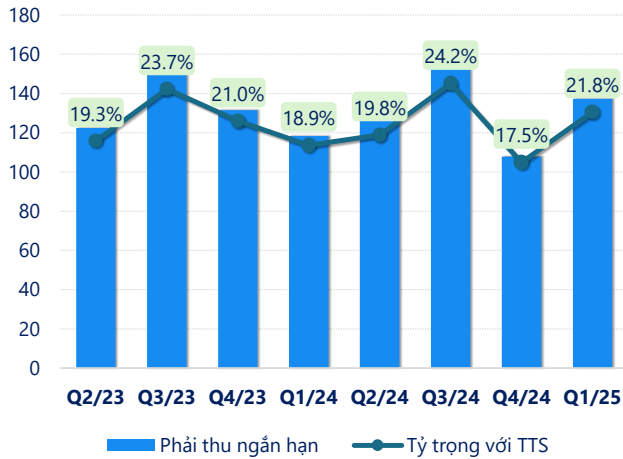
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



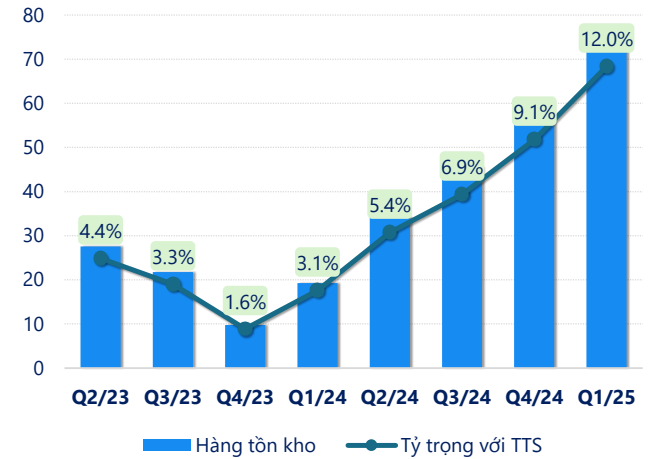
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


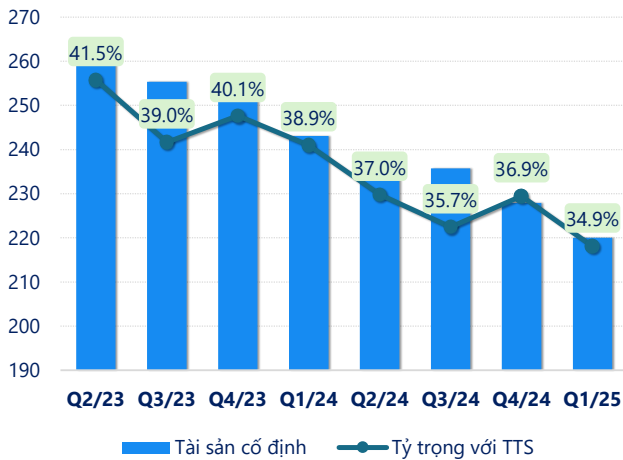
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


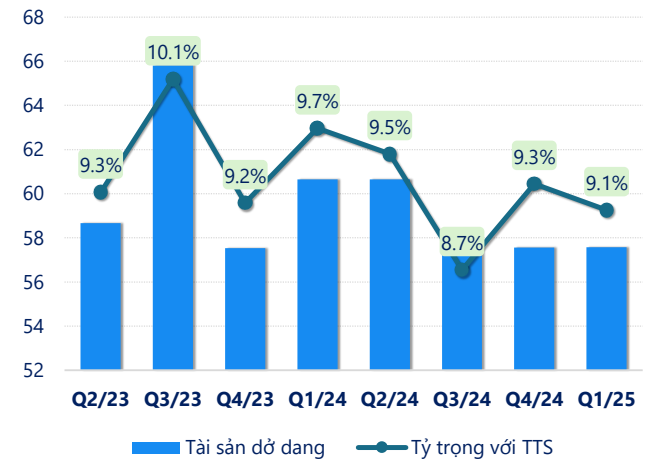
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

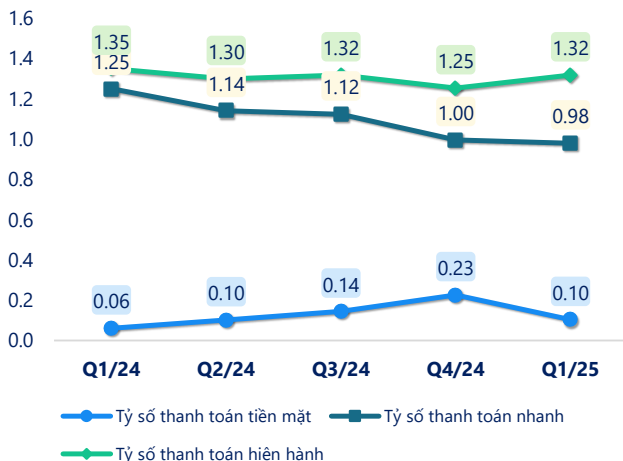
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

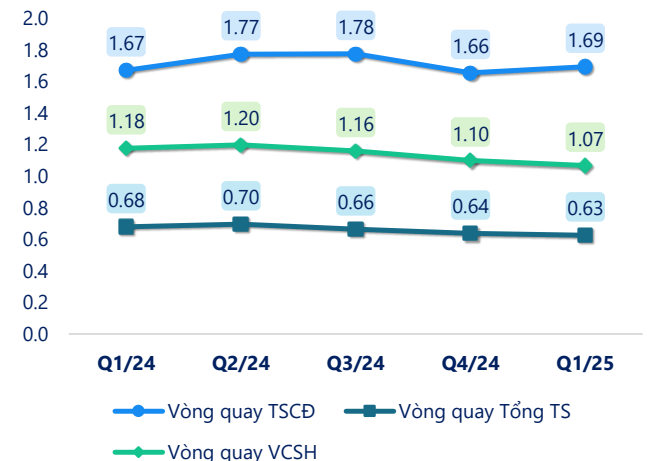
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	624	636	661	618	630
Tài sản ngắn hạn	261	280	308	273	294
Tiền và tương đương tiền	11.7	21.9	33.8	49.2	23.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	108	97.0	67.0	57.0	52.0
Phải thu ngắn hạn	118	126	160	108	137
Hàng tồn kho	19.3	34.2	45.5	56.0	75.4
Tài sản ngắn hạn khác	3.81	1.14	2.19	2.76	6.16
Tài sản dài hạn	363	356	353	345	336
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	243	235	236	228	220
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	60.7	60.7	57.6	57.6	57.6
Đầu tư tài chính dài hạn	7.50	7.50	7.50	7.50	7.50
Tài sản dài hạn khác	52.2	52.6	51.7	51.7	51.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	258	267	286	256	261
Nợ ngắn hạn	193	216	234	218	223
Vay và nợ thuê ngắn hạn	19.9	26.6	19.9	26.6	19.9
Phải trả người bán ngắn hạn	44.3	48.9	63.7	44.9	50.2
Nợ dài hạn	65.0	51.7	51.7	38.5	38.5
Vay và nợ thuê dài hạn	65.0	51.7	51.7	38.5	38.5
Nguồn vốn chủ sở hữu	366	369	375	362	369
Vốn chủ sở hữu	366	369	375	362	369
Vốn điều lệ	300	300	300	300	300
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)